TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2019.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Điệp**
2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 09/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 463/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp 1, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Lê Văn Bé B**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp , xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh Bé B có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Anh T trình bày: Chị và anh Bé B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm lẫn nhau nên hiện nay chị và anh Bé B đã sống ly thân. Nay do

tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với Bé B.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, tên Lê Ngọc Khánh A, sinh ngày 01/7/2008, Lê Nguyễn Sĩ C, sinh ngày 22/9/2010 và Lê Ngọc Khánh M, sinh ngày 06/6/2016, hiện các con chung đang sống chung với cha mẹ. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Lê Ngọc Khánh A và Lê Ngọc Khánh M, yêu cầu anh Bé B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; chị đồng ý giao con chung cháu Lê Nguyễn Sĩ C cho anh Bé B nuôi dưỡng, chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

2. Bị đơn là anh Lê Văn Bé B trình bày: Tại văn bản ý kiến ngày 30/9/2019, anh Bé B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T; về con chung anh đồng ý giao cháu Lê Ngọc Khánh A, cháu Lê Ngọc Khánh M cho chị T nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Sĩ C, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Trích lục khai sinh Lê Ngọc Khánh M (bản sao);
- Giấy khai sinh Lê Nguyễn Sĩ C (bản sao);
- Giấy khai sinh Lê Ngọc Khánh A (photo có chứng thực);
- Văn bản ý kiến của chị Nguyễn Anh T ngày 30/9/2019 (bản chính);
- Đơn xin xét xử vắng mặt và văn bản ý kiến cùng ngày 30/9/2019 của anh Lê Văn Bé B (bản chính);
- Bản tự khai của Lê Ngọc Khánh A và Lê Nguyễn Sĩ C cùng ngày 27/8/2019 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Anh T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Bé B, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con"*.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã B, huyện Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Xét thấy, bị đơn anh Lê Văn Bé B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị T và anh Bé B chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Cao Lãnh vào ngày 04/8/2008. Xét thấy, chị T và anh Bé B xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm lẫn nhau nên hiện nay chị T và anh Bé B đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Bé B. Tại văn bản ý kiến ngày 30/9/2019, anh Bé B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Như vậy, có căn cứ nhận định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T.

- Về con chung: Chị T và anh Bé B có 03 con chung, tên Lê Ngọc Khánh A, sinh ngày 01/7/2008; Lê Nguyễn Sĩ C, sinh ngày 22/9/2010 và Lê Ngọc Khánh M, sinh ngày 06/6/2016. Căn cứ vào bản tự khai cháu Khánh A có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị T; cháu Sĩ C có nguyện vọng được sống chung với anh Bé B. Đồng thời, chị T và anh Bé B thỏa thuận về con chung như sau:

Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Khánh A, sinh ngày 01/7/2008 và Lê Ngọc Khánh M, sinh ngày 06/6/2016. Anh Bé B đồng ý cấp dưỡng mỗi con chung hàng tháng bằng 1/2 mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2019 đến khi cháu Khánh A và cháu Khánh M đủ 18 tuổi. Anh Bé B được tiếp tục nuôi

dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Sĩ C, sinh ngày 22/9/2010; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Bé B không có yêu cầu.

Chị T và anh Bé B có quyền và nghĩa thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T và anh Bé B xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh Bé B xác định không có nợ chung.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0003128 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Bé B phải chịu tiền án phí nuôi con chung 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Anh T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Anh T được ly hôn với anh Lê Văn Bé B.

- Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Khánh A, sinh ngày 01/7/2008 và Lê Ngọc Khánh M, sinh ngày 06/6/2016. Anh Bé B đồng ý cấp dưỡng mỗi con chung hàng tháng bằng 1/2 mức lương cơ sở tương ứng từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2019 đến khi cháu Khánh A và cháu Khánh M đủ 18 tuổi.

Anh Bé B được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Sĩ C, sinh ngày 22/9/2010. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Bé B không có yêu cầu.

Chị T và anh Bé B có quyền và nghĩa thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0003128 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Lê Văn Bé B phải chịu tiền án phí nuôi con 300.000 đồng.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND xã Bình Hàng Trung;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh